

## THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO TRONG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Xuân**  
**Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**  
**Email: xuanregov@gmail.com**

**Tóm tắt:** Việt Nam là một trong những quốc gia đa dân tộc và đa tôn giáo, trong đó có một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số theo tôn giáo, cần được quan tâm nghiên cứu. Bài viết này không chỉ làm rõ thực trạng tôn giáo ở một số cộng đồng dân tộc thiểu số, mà còn đề cập đến các chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta cũng như việc thực hiện chính sách tôn giáo trong vùng đông bào dân tộc thiểu số thời kỳ Đổi mới. Trên cơ sở đó, góp phần đúc rút kinh nghiệm, tìm ra những vấn đề cần tiếp tục quan tâm trong công tác tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số với những nét đặc thù riêng biệt.

**Từ khóa:** Chính sách tôn giáo, dân tộc thiểu số, tôn giáo vùng dân tộc thiểu số.

**Abstract:** Vietnam is one of the multi-ethnic and multi-religious countries where a section of ethnic minorities follows various religions that need to be studied. This article not only clarifies the religious situation in some ethnic minority communities but also discusses the religious policies of our Party and State, as well as the implementation of these policies in ethnic minority areas during the Renovation period. On this basis, it contributes to learning from experiences and identifying issues that require continued attention in religious work within ethnic minority areas with their unique characteristics.

**Keywords:** Religious policy, ethnic minorities, religions in ethnic minority areas.

Ngày nhận bài: 31/6/2024; ngày gửi phản biện: 10/7/2024; ngày duyệt đăng: 20/8/2024.

### Mở đầu

Do những đặc điểm riêng về địa lý, lịch sử, văn hóa..., Việt Nam là một trong những quốc gia đa dân tộc và đa dạng về tôn giáo, trong đó có một bộ phận dân tộc thiểu số (DTTS) tin theo tôn giáo. Cụ thể như trường hợp người Hmông và một số dân tộc khác ở các tỉnh miền núi phía Bắc, chủ yếu là vùng Tây Bắc theo Công giáo và Tin lành; các dân tộc ở Tây Nguyên và vùng cao Duyên hải miền Trung, thường tập trung ở Tây Nguyên theo Công giáo và Tin lành; người Khmer (Kơ-me) ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tức Tây Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông; người Chăm ở Nam Trung Bộ, Nam Bộ theo đạo Bàlamôn và Hồi giáo.

Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mọi người dân ở Việt Nam đều có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; có quyền theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo. Thực tế cho thấy, các DTTS ở Việt Nam tin theo tôn giáo có đời sống tôn giáo mang tính đặc thù, tạo ra những mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo liên quan đến sinh hoạt văn hóa, hoạt động xã hội,... Không những thế, cộng đồng DTTS ở Việt Nam cư trú tại các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ đều có vị trí đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng và mối quan hệ với các nước láng giềng là Trung Quốc, Lào, Campuchia. Do vậy, việc thực hiện chính sách tôn giáo trong vùng dân tộc luôn được cả hệ thống chính trị quan tâm, đạt được những kết quả quan trọng trong thời kỳ Đổi mới.

### **1. Các dân tộc thiểu số và tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam**

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2019, Việt Nam có 54 dân tộc với 96,20 triệu người, trong đó người Kinh chiếm 85,3% tổng dân số với 82,10 triệu người, DTTS chiếm 14,7% với hơn 14,10 triệu người (Tổng cục Thống kê, 2019). Nếu chia theo từng vùng địa lý, đồng bào các DTTS cư trú ở vùng trung du và miền núi phía Bắc (gọi chung là Tây Bắc), gồm các nhóm ngôn ngữ: Việt - Mường, Tày Thái - Kàđai, Hmông - Dao, Tạng - Miến, Hán với khoảng 9,4 triệu người; vùng Tây Nguyên, Nam Trường Sơn và vùng cao Duyên hải miền Trung (gọi chung là Tây Nguyên) gồm hai nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me, Mã Lai - Đa Đảo với khoảng 3,2 triệu người; vùng Nam Bộ, tập trung chủ yếu ở Tây Nam Bộ gồm các dân tộc Khmer, Chăm, Hoa..., với hơn 1,5 triệu người (Tổng cục Thống kê, 2019). Như vậy, ở Việt Nam, trừ người Kinh, Hoa, Khmer, Chăm..., sống tập trung ở các vùng đồng bằng và ven biển, các DTTS khác sống ở địa bàn rừng núi, cao nguyên. Đặc biệt, những thập niên cuối của thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, có thêm một bộ phận đồng bào dân tộc ở Tây Bắc vào định cư ở các tỉnh Tây Nguyên, Nam Trường Sơn và Duyên hải miền Trung.

Đối với tôn giáo, Tin lành truyền vào người Hmông từ năm 1985 - 1986 qua đài Nguồn sống phát từ Manila (Philippines) dưới tên gọi Vàng Chứ, sau đó chuyển sang đúng tên gọi là Tin lành. Từ đó, số lượng người Hmông theo Tin lành tăng dần lên theo thời gian. Cụ thể: năm 1996 chỉ có 80.000 người, năm 2004 đã tăng lên tới 105.000 người, năm 2015 có 205.000 người, năm 2019 là 218.000 người (Nguyễn Thanh Xuân, 2019, tr. 443, 444). Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, đến năm 2022, tổng số tín đồ Tin lành người Hmông ở Tây Bắc là 300.000 người với khoảng 1.400 điểm nhóm theo thôn/bản, trong đó có hơn 60.000 người Hmông theo Tin lành di cư vào Tây Nguyên, chủ yếu ở Đắk Lắk và Đắk Nông (Ban Tôn giáo Chính phủ - Vụ Tin lành, 2022). Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn, từ năm 1985 đến 2022, Tin lành đã xâm nhập và phát triển nhanh chóng trong cộng đồng người Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc, chủ yếu vùng Tây Bắc, tạo thành một thực thể Tin lành có tính quần chúng đông đảo, rộng rãi. Trong đó, điều đáng quan tâm là việc truyền đạo và theo Tin lành đã tạo ra xung đột giữa văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của tộc người Hmông với văn hóa, lối sống của Tin lành, nhất là giai đoạn đầu mới tin theo. Sau này cùng với thời

gian, những xung đột giảm đi, họ từng bước đã dung hòa và hội nhập giữa văn hóa, tín ngưỡng của người Hmông với Tin lành.

Công giáo truyền lên phía bắc Tây Nguyên vào giữa thế kỷ XIX từ vùng Quy Nhơn khi có chính sách cấm đạo của nhà Nguyễn. Những cộng đồng DTTS đầu tiên theo Công giáo là Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai ở Kon Tum. Bên cạnh đó, còn một hướng truyền Công giáo lên Tây Nguyên từ phía nam đến Đà Lạt. Năm 1954, số người DTTS Tây Nguyên theo Công giáo khoảng 15.000 người (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016, tr. 449). Công giáo phát triển nhanh ở Tây Nguyên liên quan đến hai giai đoạn người Kinh lên cư trú. Sau năm 1954, khi chính quyền Việt Nam Cộng hòa điều chỉnh dân cư đưa gần 65.000 người Kinh, chủ yếu Công giáo từ miền Bắc di cư vào Nam lên Tây Nguyên đã hỗ trợ phát triển Công giáo ở đây. Sau năm 1975 khi người Kinh, gồm người Kinh theo Công giáo ở mọi miền đất nước lên Tây Nguyên lập nghiệp, tạo ra lực lượng củng cố đức tin, hướng dẫn, hiệu chỉnh các sinh hoạt tôn giáo và truyền giáo trong vùng DTTS ở Tây Nguyên. Nếu số lượng tín đồ Công giáo là người DTTS tại chỗ Tây Nguyên ở thời điểm năm 1975 chỉ trên dưới 100.000 người (Ban Tôn giáo Chính phủ, 1981) thì đến năm 2020 là 515.643 người, trong đó các tỉnh Tây Nguyên có 470.643 người, các tỉnh Duyên hải miền Trung và Nam Trường Sơn có 45.000 người, trong tổng số tín đồ của khu vực là 1.180.085 tín đồ (chiếm 39,8%) (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020).

Tại Tây Nguyên, Tin lành truyền lên phía bắc vùng này vào năm 1926, sau đó từ năm 1930 thì truyền lên phía nam Tây Nguyên. Việc truyền Tin lành lên Tây Nguyên thời gian đầu đạt ít kết quả, vì vừa cạnh tranh với Công giáo, vừa bị thực dân Pháp cản trở do chính sách hạn chế hoạt động của Tin lành ở Tây Nguyên. Vì thế, đến năm 1954, vùng này mới có 6.000 tín đồ Tin lành. Những năm 1954 - 1975 việc truyền đạo đã đưa lại những kết quả quan trọng: năm 1975 Tin lành ở Tây Nguyên là 62.000 tín đồ, 235 chi hội, 152 mục sư, 75 truyền đạo sinh, 02 Trường Kinh Thánh, 08 trung tâm truyền giáo (Đỗ Hữu Nghiêm, 1995, tr. 53). Sau ngày giải phóng miền Nam (1975), các tổ chức Tin lành ở miền Nam đều không được công nhận tư cách pháp nhân, không được hoạt động về tổ chức. Do Tin lành ở phía Nam đất nước liên quan đến tổ chức FULRO - một tổ chức chính trị phản động mang tư tưởng ly khai nên để ổn định tình hình chính trị, chính quyền các địa phương ở Tây Nguyên ngừng tất cả các hoạt động của đạo này. Tuy vậy, Tin lành nơi đây vẫn tồn tại, phát triển, thậm chí phát triển rất nhanh, tạo ra sự bùng nổ về người theo Tin lành ở Tây Nguyên. Đến năm 2019, tại các tỉnh Tây Nguyên, Nam Trường Sơn và Duyên hải miền Trung, số người theo đạo Tin lành là DTTS đã tăng lên đến 670.000 người với 331 chi hội, 1.742 điểm nhóm (Nguyễn Thanh Xuân, 2019, tr. 433) (gấp hơn 10 lần so với trước năm 1975) của hơn 30 tổ chức, hệ phái Tin lành.

Người Khmer ở Nam Bộ, chủ yếu thuộc vùng Tây Nam Bộ là cư dân của Vương quốc Phù Nam xưa. Đạo Bàlamôn và Phật giáo truyền vào Phù Nam từ sớm, khoảng thế kỷ VI cùng với việc truyền vào vùng đất Chân Lạp, tức Campuchia ngày nay. Sau khi Vương quốc Phù Nam suy vong vào thế kỷ VII, đa số người Phù Nam lưu tán nên cả đạo Bàlamôn và Phật

giáo đều suy giảm. Sau này, Phật giáo Nam tông từ Campuchia truyền sang vùng đất Nam Bộ nước ta và phát triển nhanh, rộng rãi trong cộng đồng người Khmer. Sang thế kỷ XVII, hầu hết những nơi người Khmer sinh sống ở đây đều theo Phật giáo Nam tông, đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ở các phum/sóc của người Khmer đều có ngôi chùa Phật giáo Nam tông. Năm 2020, các tỉnh Tây Nam Bộ có hơn 1.200.000 tín đồ, chiếm đến hơn 95% tổng số người Khmer trong vùng, 7.891 sư sãi, 445 chùa; các tỉnh Đông Nam Bộ có 48.500 tín đồ, 53 sư sãi, 19 chùa (Bạch Thanh Sang, 2019, tr. 166).

Người Chăm là cư dân của vương quốc Chăm-pa xưa, vùng Duyên hải miền Trung ngày nay. Đạo Bàlamôn truyền vào các nước Đông Nam Á, trong đó có vương quốc Chăm-pa từ rất sớm, bằng hai con đường thủy và bộ. Tuy nhiên, người Chăm có nền văn hóa lâu đời, hướng theo “tính mạnh” nên khi đạo Bàlamôn vào xã hội tộc người Chăm đã bị bản địa hóa, hình thành một tôn giáo có những yếu tố khác so với đạo Bàlamôn tại Ấn Độ. Sau này, đạo Bàlamôn ở Ấn Độ đã cải cách thành Tân Bàlamôn hay Ấn Độ giáo, tức đạo Hindu cũng không tác động nhiều đến cộng đồng người Chăm theo đạo Bàlamôn. Năm 2020, người Chăm theo đạo Bàlamôn chỉ có ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận với số lượng là 70.506 tín đồ (trong tổng số 178.948 người Chăm ở Việt Nam), 284 chức sắc, chức việc, 42 cơ sở thờ tự (đền/tháp) (Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, 2022; Tỉnh ủy tỉnh Bình Thuận, 2022).

Hồi giáo truyền đến người Chăm từ thế kỷ X, XI liên quan tới các thương gia và các nhà truyền giáo Ả-rập Xê-út, Ba Tư (Iran). Song, Hồi giáo không vượt qua được đạo Bàlamôn nên có rất ít người theo, đồng thời phải dung hợp với đạo Bàlamôn hình thành một loại hình tôn giáo mới là đạo Bani (hay Awal), quen gọi là Hồi giáo Bani hay Chăm Bani, tương tự như đạo Sikh ở Ấn Độ. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, đến năm 2020 Hồi giáo không chính thống, tức Chăm Bani có gần 50.000 tín đồ, tập trung ở hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020).

Sau biến cố cuối thế kỷ XV, Vương quốc Chăm-pa suy vong và các biến động chính trị, xã hội thời Hậu Chăm-pa, người Chăm lưu tán sang Campuchia. Tại đây, người Chăm được tiếp xúc với người Mã Lai cùng hệ ngôn ngữ theo Hồi giáo nên họ chuyển từ đạo Bàlamôn hoặc đạo Bani sang theo Hồi giáo chính thống. Giữa thế kỷ XVIII, người Chăm theo Hồi giáo chính thống từ Campuchia về Châu Đốc của Việt Nam (nay thuộc tỉnh An Giang), rồi di cư đến một số tỉnh Nam Bộ hình thành những cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo chính thống ở nước ta với tên gọi Asulam, quen gọi là Hồi giáo Islam hay Chăm Islam (Nguyễn Văn Luận, 1974). Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 2020 số người Chăm theo Hồi giáo chính thống - Chăm Islam là 32.734 tín đồ, 64 cơ sở tôn giáo (41 thánh đường, 23 tiểu thánh đường), 539 chức sắc, chức việc (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020).

Ngoài những cộng đồng DTTS theo các tôn giáo mang tính đặc trưng như nói trên, ở Việt Nam còn có không ít DTTS theo các tôn giáo khác. Cụ thể ở vùng Tây Bắc có gần 20.000 người Hmông và 35.000 người dân tộc khác theo Công giáo, 7.500 người Dao theo

Tin lành, 13.500 người DTTS khác như Tày, Nùng, Mường..., theo Phật giáo; ở Tây Nguyên có 15.000 người theo Phật giáo, 2.000 người theo đạo Cao Đài; ở Tây Nam Bộ có 4.500 người Khmer theo Công giáo và Tin lành,... (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016; Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020).

Như vậy, các cộng đồng DTTS theo tôn giáo là một thực thể lớn với gần 3,2 triệu tín đồ, hơn 10.000 chức sắc, chức việc, gần 1.000 cơ sở thờ tự và hơn 4.000 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung - tương đương với tỷ lệ tín đồ tôn giáo so với dân số cả nước. Tôn giáo trong vùng DTTS ở Việt Nam là một trong những nét đặc thù về tôn giáo và dân tộc, cần được quan tâm trong việc thực hiện chính sách tôn giáo thời kỳ Đổi mới.

## 2. Khái quát về chính sách tôn giáo của Việt Nam thời kỳ Đổi mới

Thời kỳ Đổi mới, tức từ sau năm 1986, Đảng và Nhà nước ta có nhiều văn bản về chủ trương, chính sách đối với tôn giáo và công tác tôn giáo. Có thể kể tới: Nghị quyết 24/NQ-TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 02/7/1998 của Bộ Chính trị *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới*; Nghị quyết 25/NQ-TW ngày 12/3/2003 *Về công tác tôn giáo*; Chỉ thị 18-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW Về công tác tôn giáo*;... Trong đó, Nghị quyết 24-NQ/TW (1990), Nghị quyết 25-NQ/TW (2003) và các văn bản khác có liên quan đã thể hiện sự nhận thức và cách ứng xử đối với tôn giáo thời kỳ Đổi mới như: (1) Xác định tôn giáo là một vấn đề tồn tại lâu dài, là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; (2) Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng của mọi người, các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và bình đẳng trước pháp luật; (3) Thực hiện nhất quán chính sách đoàn kết các tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc; (4) Nhìn nhận và phát huy những mặt tích cực về đạo đức, văn hóa của tôn giáo; (5) Nghiêm cấm việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật, kích động nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia (Nguyễn Thanh Xuân, 2023, tr. 374).

Gần đây, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2021 - 2026) đã xác định những nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo trong thời gian tới như: *“Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảm bảo cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển của đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết dân tộc”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 171).

Cùng với các chủ trương của Đảng trong thời kỳ Đổi mới, Nhà nước đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Cụ thể như: Nghị định số 69/NĐ-

HĐBT ngày 21/03/1991 *Quy định về hoạt động tôn giáo*; Thường vụ Quốc hội khóa XII ngày 18/06/2004 ban hành *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo*; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/02/2005 *Về một số công tác đối với đạo Tin lành*; Chỉ thị số 1940/CT-TTG ngày 31/12/2008 *Về nhà, đất liên quan đến tôn giáo*;... Đặc biệt, Quốc hội khóa XIV ngày 18/11/2016 ban hành *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*. Thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Chính phủ ban hành Nghị định 162/NĐ-CP năm 2016 và Nghị định 95/NĐ-CP ngày 19/12/2023 *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* thay cho Nghị định 162/NĐ-CP năm 2016. Các quy định pháp luật của Nhà nước thể hiện chủ trương, chính sách của Đảng với khung pháp lý cụ thể như: hoạt động tín ngưỡng và sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, hoạt động của chức sắc, công nhận tổ chức tôn giáo, đào tạo chức sắc, xây dựng sửa chữa nơi thờ tự, hoạt động từ thiện xã hội, quan hệ quốc tế của các tôn giáo,... Các quy định pháp luật về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo vừa đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; vừa thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, hay nói cách khác là điều chỉnh các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo pháp luật.

Từ nhận thức, ứng xử với tôn giáo thời kỳ Đổi mới như đã đề cập trên của Đảng và Nhà nước, việc thực hiện chính sách tôn giáo trong vùng DTTS đã đạt được những kết quả rất quan trọng cần được ghi nhận và khẳng định.

### **3. Thực hiện chính sách tôn giáo đối với đồng bào dân tộc thiểu số**

#### **3.1. Đối với người Hmông theo Tin lành**

Người Hmông theo Tin lành là vấn đề tôn giáo mới liên quan đến xung đột văn hóa, trật tự an toàn xã hội nên chính sách Nhà nước đã có nhiều hướng tiếp cận và lý giải khác nhau đối với việc truyền đạo và theo Tin lành trong cộng đồng tộc người này. Vượt lên những nhận thức, ứng xử khác nhau đối với việc một bộ phận người Hmông theo Tin lành, Chỉ thị 01/CT-TTg năm 2005 chỉ rõ: “*Đối với bộ phận đồng bào đã có thời gian theo đạo Tin lành và có nhu cầu tín ngưỡng thực sự, trước mắt hướng dẫn cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo tại gia đình, hoặc nơi có nhu cầu thì hướng dẫn cho đồng bào đăng ký sinh hoạt đạo tại địa điểm thích hợp ở bản, làng. Khi hội đủ các điều kiện thì tạo thuận lợi cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo bình thường theo quy định của pháp luật*” (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2005). Cùng thời gian này, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo đã có hiệu lực nên từ năm 2005, sau triển khai thí điểm ở một số địa phương, các cộng đồng Hmông theo Tin lành ở các thôn/bản được đăng ký sinh hoạt tôn giáo dưới dạng điểm nhóm. Đến hết năm 2019, đã có hơn 800 điểm nhóm của các tổ chức, hệ phái Tin lành được đăng ký sinh hoạt tôn giáo với chính quyền cơ sở (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2019). Trong khi, các điểm nhóm chưa đăng ký vẫn sinh hoạt tôn giáo bình thường và chuẩn bị các thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Sau khi đăng ký sinh hoạt tôn giáo, tại một số địa phương từng bước hình thành các đơn vị cơ sở - chi hội của các tổ chức Tin lành thuộc các tổ chức Tin lành có tư cách pháp nhân.

Cùng với việc bình thường hóa các hoạt động của Tin lành, tập trung giải quyết các xung đột văn hóa do truyền đạo và theo Tin lành gây ra; giải quyết một số phần tử xấu lợi dụng việc người Hmông theo Tin lành để tuyên truyền tư tưởng xung vua gây mất ổn định chính trị, điển hình là vụ tụ tập tại Mường Nhé (Điện Biên) năm 2011.

### **3.2. Đối với dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên theo Công giáo và Tin lành**

Như đã đề cập, tín đồ Công giáo là người DTTS ở Tây Nguyên được hình thành sớm, với sự hỗ trợ của người Kinh và nằm trong cơ chế giáo quyền riêng nên mặc dù phát triển nhanh nhưng ít xảy ra xung đột văn hóa giữa các tộc người và bị lợi dụng chính trị theo hướng tiêu cực. Tuy vậy, việc thực hiện chính sách tôn giáo với cộng đồng DTTS ở Tây Nguyên theo Công giáo vẫn đảm bảo theo kịp tiến trình đổi mới đất nước, đổi mới chính sách tôn giáo. Sự gia tăng tín đồ Công giáo luôn gắn liền với việc cải thiện tổ chức cơ sở để đảm bảo sinh hoạt tôn giáo. Đến năm 2019, ở các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước đã có đến 41 giáo xứ và hàng trăm giáo họ riêng của người DTTS, 135 giáo xứ xen kẽ giữa người DTTS và người Kinh (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020).

Riêng người DTTS tại chỗ theo Tin lành ở Tây Nguyên tuy ít xảy ra xung đột văn hóa tộc người, nhưng lại bị tổ chức phản động FURO lợi dụng vào những thập niên cuối thế kỷ XX, sau đó là hai cuộc bạo loạn chính trị tại Tây Nguyên vào tháng 02/2001 và tháng 4/2004. Do vậy, vấn đề đặt ra là vừa gìn giữ ổn định chính trị ở Tây Nguyên, vừa giải quyết thỏa đáng nhu cầu đời sống tôn giáo của cộng đồng theo đạo Tin lành. Năm 2001 vấn đề Tin lành ở Tây Nguyên từng bước được mở rộng hơn, cụ thể như 58 đại biểu là chức sắc Tin lành vùng Tây Nguyên về Thành phố Hồ Chí Minh dự Đại hội đồng để công nhận tư cách pháp nhân của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) năm 2001. Sau đó, do vẫn xảy ra những vụ bạo loạn khác nhau có liên quan đến Tin lành nên việc triển khai việc bình thường hóa hoạt động tại Tây Nguyên trở nên do dự. Trên cơ sở phân tích niềm tin và nhu cầu về đời sống tôn giáo của những người theo đạo Tin lành đặt trong hoàn cảnh kéo dài việc ngừng hoạt động của Tin lành đã tạo kẽ hở cho phản động FULRO xuyên tạc, lôi kéo và lợi dụng một bộ phận người theo Tin lành vì những mục đích xấu; vì thế, cùng với việc đấu tranh chống bọn phản động FULRO, Chỉ thị 01/CT-TTg (2005) đã chủ trương: *“Tiếp tục xem xét công nhận các đơn vị cơ sở (chi hội) của tổ chức Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) và các tổ chức Tin lành đã có tư cách pháp nhân. Những nơi chưa đủ điều kiện để công nhận chi hội, đồng bào theo đạo có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, chính quyền tạo điều kiện cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo bình thường tại gia đình hoặc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tại các địa điểm thích hợp trong các buôn, làng”* (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2005). Tóm lại, chính sách tôn giáo đã đẩy nhanh quá trình bình thường hóa hoạt động của Tin lành ở Tây Nguyên để đáp ứng nhu cầu của những người theo đạo, đồng thời quản lý hoạt động của Tin lành không để các phần tử xấu lôi kéo, lợi dụng.

Thực tế cho thấy, việc thực hiện Chỉ thị 01/CT-TTg (2005) và Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) tuy chỉ trong thời gian ngắn từ năm 2005 đến năm 2010 nhưng các hoạt động

của đạo Tin lành ở Tây Nguyên đã được bình thường hóa dưới hình thức đăng ký điểm nhóm, thành lập các chi hội - đơn vị cơ sở của các tổ chức Tin lành. Đến năm 2019, ở Tây Nguyên đã có 1.742 điểm nhóm đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung và 331 chi hội của các tổ chức Tin lành được thành lập; việc đào tạo chức sắc, in ấn kinh sách, xây dựng và sửa chữa nơi thờ tự..., của nhiều tổ chức Tin lành được thực hiện theo quy định của pháp luật (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2019). Có thể nói rằng, đến nay hầu hết các hoạt động của Tin lành ở Tây Nguyên được bình thường hóa, góp phần quan trọng vào việc ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở nơi đây.

### ***3.3. Đối với người Khmer theo Phật giáo Nam tông***

Thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, trong đó có Chi thị 08-CT/TW (1991) *Về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer* và Chi thị 19-CT/TW (2018) *Về tăng cường công tác vùng dân tộc Khmer trong tình hình mới* đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, nâng cao đời sống dân sinh, trình độ dân trí cho đồng bào Khmer. Riêng lĩnh vực tôn giáo, thực hiện Thông báo 122/TB-CP ngày 26/02/2004 *Về giải quyết một số vấn đề cụ thể đối với Phật giáo Nam tông Khmer*, các ngành chức năng cùng các đoàn thể địa phương và đồng bào Khmer đã đạt được kết quả quan trọng liên quan đến việc tu hành, đào tạo tăng sĩ, trùng tu và tôn tạo cơ sở thờ tự, in xuất bản kinh sách, khen thưởng đối với các tăng sĩ và Phật tử có thành tích đóng góp cho cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Cụ thể là: đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, học tập của tăng sĩ và tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer; đồng bào Khmer nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước; từ 2004 đến năm 2014, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và đại diện Phật giáo Nam tông Khmer đã triển khai việc in kinh sách Phật giáo Nam tông Khmer với 208.300 quyển; Đồng thời thỉnh Đại tạng kinh và Kinh sách bản gốc bằng chữ Khmer ở các tỉnh (Trà Vinh 156 bộ, An Giang 60 bộ, Kiên Giang 75 bộ, Sóc Trăng 52 bộ, Vĩnh Long 03 bộ, Tây Ninh 03 bộ,...) (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2014).

Riêng việc đào tạo tăng tài, năm 2006, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập tại thành phố Cần Thơ theo Thông báo số 4286/VPCP-NC ngày 08/08/2006 của Văn phòng Chính phủ. Từ đó đến năm 2020, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer đã đào tạo được các khóa: khóa I (2007 - 2011) 68 tăng sinh; khóa II (2011 - 2015) 29 tăng sinh; khóa III (2013 - 2017) 11 tăng sinh; khóa IV (2015 - 2019) 19 tăng sinh; khóa V (2017 - 2020) 14 tăng sinh;... Đến năm 2020, đã có 630 tăng sĩ Phật giáo Nam tông Khmer du học nước ngoài, trong đó có học vị thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Phật học tại các nước như Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Ấn Độ. Cùng với việc thành lập và đào tạo của Học viện, các địa phương đã chấp thuận việc mở các lớp học tiếng Pali ở các chùa, mở trường Trung cấp Pali tại hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2014).

Nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc Khmer, chính quyền và Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở các tỉnh, thành luôn quan tâm đặc biệt tới việc hỗ trợ trùng tu các chùa Phật giáo Nam tông Khmer. Đến nay, hầu hết các chùa đều được trùng tu,

tôn tạo khang trang, đảm bảo gìn giữ được nét kiến trúc đặc thù của Phật giáo Nam tông và văn hóa dân tộc Khmer. Hơn nữa, Chính phủ còn đầu tư xây dựng nguyên mẫu chùa Khleang tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để tái hiện ngôi chùa Khmer Nam Bộ trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam ở Đồng Mô (Sơn Tây, Hà Nội).

### **3.4. Đối với người Chăm theo đạo Bàlamôn và Hồi giáo**

Để thực hiện chính sách tôn giáo, nhất là thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), các địa phương người Chăm nước ta đã hướng dẫn thành lập, công nhận tổ chức của đạo Bàlamôn, đạo Bani và Hồi giáo. Cụ thể như Hội đồng Chức sắc Chăm Bàlamôn năm 2012, Hội đồng Chức sắc Chăm Bàlamôn tỉnh Bình Thuận năm 2012, Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận năm 2007, Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Bình Thuận năm 2012, Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh năm 1995, Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang năm 2004,... (Nguyễn Thanh Xuân, 2023, tr. 432, 433). Việc thành lập và công nhận về tổ chức của cộng đồng các tôn giáo trong đồng bào Chăm có ý nghĩa rất quan trọng, phản ánh hiệu quả thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước đối với người Chăm, thể hiện sự bình đẳng tôn giáo trước pháp luật. Hơn nữa, việc công nhận tổ chức của cộng đồng tôn giáo trong đồng bào Chăm còn góp phần đáp ứng nguyện vọng của tín đồ, chức sắc, tạo cơ hội củng cố tinh đoàn kết trong nội bộ chức sắc, giữa chức sắc với tín đồ, đồng thời giúp cho các cấp, các ngành tuyên truyền, vận động có hiệu quả chức sắc, tín đồ thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Riêng với đạo Bàlamôn và đạo Bani, việc thành lập Ban Đại diện ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận là cơ chế tổ chức đầu tiên, tạo sự liên kết giữa các cộng đồng, góp phần khắc phục sự khác biệt nhất định trong đời sống tôn giáo ở mỗi địa phương và mỗi tôn giáo.

Điều đáng quan tâm nữa là thời gian gần đây, khi đất nước mở cửa, mối quan hệ giữa Hồi giáo Việt Nam với Hồi giáo khu vực Đông Nam Á và Hồi giáo thế giới được phục hồi và phát triển một bước mới, trước hết là gia tăng mối quan hệ với cộng đồng Hồi giáo ở Đông Nam Á, nhất là với Hồi giáo ở Malaysia và Indonesia. Các mối quan hệ quốc tế cụ thể như việc Hồi giáo Việt Nam tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn trao đổi..., thường xuyên diễn ra. Hàng năm, cộng đồng Hồi giáo ở Việt Nam lựa chọn tín đồ dự các cuộc thi xướng Kinh Qur'an ở Brunei, Malaysia, Indonesia, Thái Lan..., đồng thời, cử các chức sắc dự các lớp tập huấn về thần học Hồi giáo. Tín đồ Hồi giáo du học ở các nước Hồi giáo tăng lên theo thời gian: từ năm 2006 đến năm 2017, tính riêng cộng đồng Hồi giáo ở tỉnh An Giang có 110 sinh viên du học ở các quốc gia Hồi giáo, đông nhất là Malaysia với 70 sinh viên; từ năm 2016 đến năm 2018, có trên 100 sinh viên Hồi giáo du học ở Ảrập Xêút (riêng ở tỉnh Ninh Thuận có 50 sinh viên), 20 sinh viên du học ở Ai Cập, 20 sinh viên học ở Libya. Năm 2018, riêng cộng đồng Hồi giáo ở Tây Ninh có 10 sinh viên du học tại Malaysia, 01 sinh viên học tại Thái Lan,... (Trần Thị Minh Thu, 2019, tr. 107-108).

### Thay lời kết

Dân tộc và tôn giáo, đặc biệt tôn giáo ở vùng DTTS luôn là vấn đề quan trọng song cũng không ít nhạy cảm. Trong khi tôn giáo của từng cộng đồng DTTS ở nước ta còn có sự khác biệt về lịch sử, văn hóa, xã hội,...; ở những nơi tôn giáo truyền vào từ lâu thì trở thành văn hóa, lối sống, tính cách của cộng đồng; những nơi mới theo tôn giáo thường xảy ra xung đột văn hóa, nhất là giai đoạn đầu truyền đạo và theo đạo. Do vậy, thực hiện chính sách tôn giáo trong vùng DTTS cần có bước đi phù hợp đối với từng cộng đồng, song phải thống nhất nhận thức rằng việc tin theo tôn giáo là nhu cầu bình thường cần được ứng xử theo nguyên tắc hiến định, cụ thể là “*Tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người*” (Quốc hội, 2014, tr. 28).

Có thể thấy, vấn đề đồng bào DTTS theo tôn giáo đặt ra cùng một lúc thực hiện cả hai chính sách: chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo. Chính sách dân tộc nhằm tạo ra bình đẳng giữa các dân tộc, nâng cao đời sống dân sinh, trình độ dân trí, giữ gìn bản sắc văn hóa,... Chính sách tôn giáo có mục tiêu là tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; nhìn nhận và phát huy các giá trị tích cực về văn hóa, đạo đức của các tôn giáo; đấu tranh với những hoạt động lợi dụng tôn giáo vì những mục đích xấu,... Do đó, cần tránh việc vì lý do theo tôn giáo mà không thực hiện đầy đủ và đúng đắn chính sách dân tộc, đồng thời cũng không vì lý do là người DTTS theo tôn giáo mà không thực hiện đầy đủ và đúng đắn chính sách tôn giáo. Rõ ràng là không có sự phân biệt trong ứng xử vì lý do dân tộc hay lý do tôn giáo.

Những chuyển biến tích cực về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của các DTTS ở Việt Nam, kể cả đời sống tôn giáo trong vùng đồng bào người Hmông theo đạo Tin lành, người DTTS ở Tây Nguyên theo Công giáo và Tin lành, người Chăm theo đạo Balamôn và Hồi giáo, người Khmer theo Phật giáo Nam tông..., đã và đang góp phần vào sự ổn định và phát triển đất nước. Tất cả những điều đó đã khẳng định chính sách và việc thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo trong vùng DTTS của Đảng và Nhà nước thời kỳ đổi mới là đúng đắn, thời gian tới cần được phát huy.

### Tài liệu tham khảo

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (1981), *Số liệu các tôn giáo ở miền Nam trước ngày giải phóng miền Nam - 1975*, Phòng Tư liệu, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2005), *Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/02/2005: Về một số công tác đối với đạo Tin lành*, Hà Nội.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 01/CT-TTg (2005-2015): Về một số công tác đối với đạo Tin lành*, Hà Nội.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ, Vụ Tin lành (2019), *Tổng hợp tình hình đạo Tin lành (tháng 4 năm 2019)*, Hà Nội.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ (2019), *Tổng quan Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ (Đề tài khoa học)*, Hà Nội.

6. Ban Tôn giáo Chính phủ (2020), *Báo cáo tổng hợp số liệu các tôn giáo ở Việt Nam năm 2020*, Hà Nội.
7. Ban Tôn giáo Chính phủ, Vụ Tin lành (2022), *Báo cáo đạo Tin lành ở Việt Nam năm 2022*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2014), *Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Thông báo 122/TB-VPCP: Về công tác với Phật giáo Nam tông Khmer*, Hà Nội.
10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam - Niên giám 2015*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Luận (1974), *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam phần Việt Nam*, Tủ sách biên khảo, Bộ Văn hóa giáo dục và thanh niên, Sài Gòn.
12. Đỗ Hữu Nghiêm (1995), *Đạo Tin lành ở Tây Nguyên Nam Trường Sơn (1928 - 1975)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Quốc hội (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Bạch Thanh Sang (2019), *Hội đoàn kết sư sãi yêu nước Tây Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ Tôn giáo học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
15. Trần Thị Minh Thu (2019), *Quan hệ quốc tế của cộng đồng Hồi giáo Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Tỉnh ủy tỉnh Bình Thuận (2022), *Báo cáo công tác dân tộc, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bình Thuận*.
17. Tổng cục Thống kê (2019), *Niên giám thống kê năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
18. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (2022), *Báo cáo về dân tộc, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận*.
19. Nguyễn Thanh Xuân (2019), *Đạo Tin lành trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
20. Nguyễn Thanh Xuân (2023), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.